

Tp. HCM, ngày 30 tháng 07 năm 2026
HCM City dated July 30th, 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE
(Kỳ 30/06/2026)

Kính gửi/To: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước/ *The State Securities Commission*;
- Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM/ *Ho Chi Minh City Stock Exchange*

- Tên công ty/Name of company: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM/VINAMILK

- Địa chỉ trụ sở chính/Address of head office: 10 Tân Trào, P. Tân Mỹ, Tp.HCM

- Điện thoại/Telephone: 028.541 55555 Fax: Email:

- Vốn điều lệ/Charter capital: 20.899.554.450.000 đồng

- Mã chứng khoán/Stock symbol: VNM

- Mô hình quản trị công ty/Governance model: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và có Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị/ *General Meeting of Shareholders, Board of Directors, General Director and Audit Committee under the Board of Directors.*

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/ *The implementation of internal audit: Implemented*

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/*Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):*

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	01/NQ-CTS.ĐHĐCĐ/2026	22/04/2026	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2026 <i>AGM Resolution 2026</i>

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm)/ Board of Directors (annual report):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ *Information about the members of the Board of Directors:*

Stt No.	Thành viên HĐQT/ Board of Directors' members	Chức vụ/ Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)) Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors))	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors	
			Ngày bổ nhiệm Date of appointment	Ngày miễn nhiệm/ Date of dismissal (*)
1	Ông/Mr. Nguyễn Hạnh Phúc	Chủ tịch HĐQT (Thành viên độc lập) Chairman (independent member)	26/04/2022	
2	Bà/Ms. Mai Kiều Liên	TV điều hành, kiêm Tổng Giám đốc Executive Director, CEO	26/04/2022	
3	Ông/Mr. Alain Xavier Cany	TV không điều hành/ Non-executive Director	26/04/2022	22/04/2026
4	Ông/Mr. Michael Chye Hin Fah	TV không điều hành/ Non-executive Director	26/04/2022	
5	Bà/Ms. Đặng Thị Thu Hà	TV không điều hành/ Non-executive Director	26/04/2022	
6	Ông/Mr. Đỗ Lê Hùng	TV độc lập/Independent Director	26/04/2022	
7	Ông/Mr. Lê Thành Liêm	TV điều hành, kiêm Giám đốc Điều hành Tài chính/ Executive Director, CFO	26/04/2022	
8	Bà/Ms. Tiêu Yến Trinh	TV độc lập/Independent Director	26/04/2022	

Stt No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Directors' members</i>	Chức vụ/ <i>Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)) Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors)</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date of appointment</i>	Ngày miễn nhiệm/ <i>Date of dismissal (*)</i>
9	Bà/Ms. Tongjai Thanachanan	TV không điều hành/ <i>Non-executive Director</i>	25/05/2025	
10	Ông/Mr. Vũ Trí Thức	TV không điều hành/ <i>Non-executive Director</i>	25/05/2025	

2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ <i>Board of Director' member</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự/ <i>Number of meetings attended by Directors</i>	Tỷ lệ tham dự họp/ <i>Attendance rate</i>	Lý do không tham dự họp/ <i>Reasons for absence</i>
1	Ông/Mr. Nguyễn Hạnh Phúc	3/3	100%	
2	Bà/Ms. Mai Kiều Liên	3/3	100%	
3	Ông/Mr. Alain Xavier Cany	2/2	100%	Được miễn nhiệm từ 22/4/2026 <i>Be dismissed from 22 April 2026</i>
4	Ông/Mr. Michael Chye Hin Fah	3/3	100%	
5	Bà/Ms. Đặng Thị Thu Hà	2/3	66,7%	Do bận lịch công tác khác <i>Conflicted with other working schedules</i>
6	Ông/Mr. Đỗ Lê Hùng	3/3	100%	
7	Ông/Mr. Lê Thành Liêm	3/3	100%	
8	Ông/Mr. Lee Meng Tat	3/3	100%	
9	Bà/Ms. Tiêu yển Trinh	3/3	100%	
10	Ông/Mr. Hoàng Ngọc Thạch	3/3	100%	
11	Bà/Ms. Tongjai Thanachanan	2/3	66,7%	Do bận lịch công tác khác <i>Conflicted with other working schedules</i>
12	Ông/Mr. Vũ Trí Thức	3/3	100%	

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/*Supervising the Board of Management by the Board of Directors:*

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Hội đồng Quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc (“TGD”) và Ban Điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai các nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT trong 6 tháng đầu năm 2026 như sau: / *Pursuant to the Company's charter, the Internal Corporate governance Statutes, the Board has conducted its role of supervision to the CEO's and the Board of Management in daily operations and implementation of the AGM's and Board's resolutions in the first 6 months of 2026 as below:*

3.1 *Phương thức giám sát:* HĐQT thông qua các tiểu ban các nhiệm vụ cụ thể được đề cập trong Quy chế nội bộ về quản trị công ty thực hiện việc giám sát Tổng giám đốc và Ban điều hành tổ chức, triển khai và thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT. Các chủ tịch ủy ban sẽ đưa ra các nội dung mà Ban điều hành phải chuẩn bị để trình bày/thảo luận/chất vấn tại cuộc họp HĐQT. Tại các cuộc họp, HĐQT soát xét tình hình thực hiện các nghị quyết, tình hình SXKD của quý và lũy kế, thảo luận và quyết định thông qua các nghị quyết để Tổng Giám đốc và Ban Điều hành làm cơ sở triển khai thực hiện. Ngoài ra, các Ủy ban của HĐQT cũng trao đổi với thành viên Ban điều hành về các nội dung, vấn đề quan tâm. / *Supervisory method: through activities of the Committees with detailed duties set out in the Internal Corporate Governance Statutes, the Board has supervised the Management Board in the implementation of the AGM and Board's resolutions. The chairmen of the committees gave requests to the Management Board to prepare contents for presentation/discussion in the board meetings. At all Board meetings, the Board always reviewed the implementation of the Board's resolutions as well as the performance of the quarter and year-to-date, discussed and approved resolutions for CEO and the Board of Management to implement them accordingly. In addition, the Board committee usually discussed with the management interested matters under supervision.*

3.2 *Kết quả giám sát:* Với những kết quả đạt được trong 6 tháng đầu năm 2026, HĐQT ghi nhận TGD và Ban Điều hành đã nỗ lực vượt qua các khó khăn ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Công ty. / *Supervisory results: Based on the results achieved in the first six months of 2026, the Board of Directors acknowledges the General Director and the Executive Board's efforts in overcoming difficulties affecting production and business operations, complying with current legal regulations and the Company's operating rules.*

4. Hoạt động của các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees:*

- Ủy ban Chiến lược/ *Strategy Committee*: Không có tổ chức họp trong kỳ báo cáo/*No meeting was held during the period.*
- Ủy ban Lương thưởng/ *Remuneration Committee*:
 - o Xem xét phân bổ thù lao còn lại năm 2025 cho các thành viên HĐQT và đề xuất cho HĐQT duyệt./ *Reviewed the allocation of remaining remuneration in 2025 to the Board members and proposed to the Board for approval.*
 - o Phối hợp với UBNS đánh giá kết quả hoạt động năm 2025 của các Giám đốc Điều hành; từ đó xem xét thưởng cho Ban Điều hành dựa vào kết quả kinh doanh năm 2025 và đề xuất mức thưởng cho HĐQT duyệt./ *Coordinated with the Nomination Committee to evaluate the 2025 performance of the management; from there, reviewed the bonus for the management based on the 2025 business results and proposed that to the Board to approve.*
 - o Xem xét và trao đổi với Ban Điều hành về chỉ tiêu đánh giá hoạt động (KPI) cho Ban Điều hành năm 2026
Reviewed & discussed the KPI of the Board of Management in 2026.
- Ủy ban Nhân sự/ *Nomination Committee*:
 - o Xem xét danh sách ứng viên kế thừa cho 3 vị trí GĐĐH Đối ngoại – Truyền thông & Hành chính Tổng hợp, GĐĐH Nghiên cứu và Phát triển, và GĐĐH Sản xuất theo đề xuất của Tổng Giám đốc. Thống nhất các bước triển khai tiếp theo để đánh giá ứng viên và đề xuất ứng viên trình HĐQT phỏng vấn. / *Reviewed the list of successors for the three positions of Executive Director of Public Relations – Communications & General Administration, ED of Research and Development, and ED of Production, as proposed by the CEO. Agreed on the next steps to evaluate candidates and propose a short-list of candidates for the Board of Directors to interview.*
 - o Hội đồng Tìm kiếm (trên cơ sở UBNS và một số thành viên HĐQT khác) phối hợp với đơn vị tư vấn triển khai chương trình nhân sự kế thừa / *The Search Committee (based on the Nomination Committee and some Board members) collaborating with the consultant to implement the succession planning program.*
- Ủy ban Kiểm toán (UBKT): Xem Mục III bên dưới/*See the contents in the Part III below.*

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị/*Resolutions/Decisions of the Board of Directors:*

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution /Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua/ <i>Approval rate</i>
1	01/NQ-CTS.HĐQT/2026	03/02/2025	Công bố tổ chức Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2026/ <i>Notice about the 2026 Annual General Meeting (“AGM”).</i>	100%
2	02/NQ-CTS.HĐQT/2026	17/03/2026	Phê duyệt giao dịch, hợp đồng giữa Công ty với Người có liên quan/ <i>Approval of the Company's transactions with its Related Parties.</i>	100%
3	03/NQ-CTS.HĐQT/2026	31/3/2026	Lựa chọn đơn vị tư vấn tìm kiếm ứng viên kế thừa cho vị trí Tổng Giám đốc/ <i>Selection of the external consultant for CEO succession plan.</i>	100%
4	04/NQ-CTS.HĐQT/2026	13/04/2026	Thù lao còn lại 2025/HĐQT. <i>Payment of the 2025 remaining director fee.</i>	90%
5	05/NQ-CTS.HĐQT/2026	29/05/2026	Thông qua một số nội dung theo cuộc họp HĐQT Q1/2026 (18/05/2026)/ <i>Approval of some matters of the board meeting Q1.2026 (18 May 2026).</i>	100%
6	06/NQ-CTS.HĐQT/2026	17/06/2026	Chi trả cổ tức còn lại của năm 2025. <i>Payment of the 2025 final dividend.</i>	100%
7	07/NQ-CTS.HĐQT/2026	30/06/2026	Tổ chức lại mô hình kho vận – phân phối khu vực phía Bắc và phía Nam/ <i>Reorganization of the logistics and distribution model in the North and South</i>	100%

II. Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo năm)/ *Audit Committee (annual report):*

1. Thông tin về thành viên Ủy ban Kiểm toán/ *Information about members of Audit Committee:*

Stt No.	Thành viên Ủy ban Kiểm toán/ <i>Members of Audit Committee</i>	Chức vụ <i>Position</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ủy ban Kiểm toán/ <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Audit Committee</i>	Trình độ chuyên môn <i>Qualification</i>
1	Đỗ Lê Hùng	Chủ tịch UBKT <i>Chairman</i>	Bắt đầu từ/ <i>Becoming date</i> 26/04/2022	Thạc sỹ Quản lý công/ <i>MBA in Public management</i>
2	Michael Chye Hin Fah	Thành viên <i>Member</i>	Bắt đầu từ/ <i>Becoming date</i> 26/04/2022	Thạc sỹ Kinh doanh/ <i>MBA</i>
3	Alain Xavier Cany	Thành viên <i>Member</i>	Bắt đầu từ/ <i>Becoming date</i> 26/04/2022	Tú tài, Viện đại học Paris/ <i>Bachelor, Paris University</i>
4	Đặng Thị Thu Hà	Thành viên <i>Member</i>	Bắt đầu từ/ <i>Becoming date</i> 05/05/2025	Thạc sỹ Kinh doanh/ <i>MBA</i>

2. Cuộc họp của Ủy ban Kiểm toán/*Meetings of Audit Committee*

Ủy ban Kiểm toán (UBKT) đã tổ chức họp định kỳ 02 lần như sau:/ *The Audit Committee (AC) conducted 02 period meeting as below:*

Stt No.	Thành viên Ủy ban Kiểm toán <i>Members of Audit Committee</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of meetings attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting rate</i>	Lý do không tham dự họp <i>Reasons for absence</i>
1	Đỗ Lê Hùng	2/2	100%	100%	
2	Michael Chye Hin Fah	2/2	100%	100%	
3	Alain Xavier Cany	0/1	0%	100%	Trùng lịch công tác khác/ <i>Conflicted with other work schedule</i>
4	Bà Đặng Thị Thu Hà	2/2	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/ *Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Audit Committee:*

Ủy ban Kiểm toán thực hiện giám sát thông qua/ *The Audit committee supervised through:*

- Trực tiếp theo dõi hoạt động của HĐQT thông qua các cuộc họp, trao đổi, cách thức đưa ra Nghị quyết của HĐQT/ *Directly supervising the board activities through meetings, discussion, approval on the board resolutions.*
- Giám sát hoạt động của BĐH thông qua việc chấp hành các Nghị quyết của HĐQT cũng như cơ chế phân quyền giữa HĐQT và TGD./ *Supervising the management activities through implementation of the board resolutions as well as the authorization between the board and the CEO.*
- Tiếp xúc trực tiếp với các Giám đốc điều hành để nắm được tình hình sản xuất kinh doanh của công ty/ *Contacting directly with the executive directors to understand the company's business operations.*
- Giám sát thông qua kênh báo cáo và tiếp xúc với Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng, Giám đốc Kiểm toán nội bộ, Giám đốc Kiểm soát nội bộ và QLRR. Ngoài ra, theo chương trình hành động của UBKT, mỗi cuộc họp định kỳ sẽ có trao đổi với các Giám đốc Điều hành / Giám đốc phụ trách phòng tương ứng như marketing, công nghệ thông tin, v.v./ *Monitoring through the reporting channel and contacting the CFO, Chief Accountant, Director of Internal Audit, Director of Internal Control and Risk Management. In addition, according to the action plan of the Audit Committee, each periodical meeting will have an exchange with the Executive Directors / Directors in charge of the respective departments such as marketing, IT, etc.*
- Giám sát thông qua kênh báo cáo và tiếp xúc với Kiểm toán độc lập/ *Supervising through report from and through discussing with the external auditor.*

Ủy ban kiểm toán giám sát một số nội dung chính trong kỳ như sau/ *Some key matters supervised by the Audit Committee below:*

- Soát xét báo cáo tài chính năm 2025 và Q1/2026/ *Reviewed the financial statements year-end 2025 and Q1/2026;*
- Soát xét báo cáo quản lý rủi ro năm Q4/2025 và Q1/2026/ *Reviewed the risk management report Q4/2025 and Q1/2026;*
- Soát xét báo cáo của Kiểm toán nội bộ Q4/2025 và Q1/2026/ *Reviewed the internal audit report Q4/2025 and Q1/2026;*
- Xem xét Khung quản lý rủi ro về Cơ cấu vốn để trình HĐQT/ *Reviewed the Risk Management Framework on Capital structure to be submitted to the Board.*
- Xem xét Quy chế Quản lý hoạt động Đầu tư để trình HĐQT/ *Reviewed the Investment management Regulation to be submitted to the Board.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*the coordination among the Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*
- Ủy ban Kiểm toán luôn phối hợp tốt với các thành viên HĐQT, thành viên BDH các các cán bộ quản lý liên quan trong khuôn khổ thực hiện chức năng giám sát của mình./ *The audit committee coordinated well with the board members, executive directors and other management personnel in order to execute the supervisory duties.*
 - Ban điều hành luôn tạo điều kiện thuận lợi và đáp ứng kịp thời các yêu cầu về thông tin phục vụ yêu cầu giám sát của Tiểu ban Kiểm toán./ *The management always supported the satisfied the information request from the audit committee for their supervisory duties.*
 - Ủy ban Kiểm toán báo cáo định kỳ kết quả giám sát lên HĐQT/ *The audit committee reported its supervisory reports to the board periodically.*
5. Hoạt động khác của Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/*Other activities of the Audit Committee (if any): không có/nil.*

IV. Ban điều hành/Board of Management

STT No.	Thành viên Ban điều hành/Members of Board of Management	Ngày tháng năm sinh Date of birth	Trình độ chuyên môn Qualification	Ngày bổ nhiệm Date of appointment
1	Bà/Ms. Mai Kiều Liên	01/09/1953	Kỹ sư công nghệ chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa./ <i>Engineer in Milk and Dairy Products Processing.</i>	20/11/2003
2	Bà/Ms. Bùi Thị Hương	24/07/1962	Cử nhân Kinh tế - Quản trị Kinh doanh và Công đoàn, cử nhân Nga Văn. / <i>Bachelor of Economics – Business Administration and Labour Union, Bachelor in Russian</i>	01/08/2014
3	Ông/Mr. Lê Thành Liêm	22/08/1973	Thạc sỹ Tài chính và Thương mại Quốc tế, Cử nhân Kinh tế/ <i>Master in Finance and International Business, Bachelor in Economics</i>	01/02/2005
4	Ông/Mr. Nguyễn Quốc Khánh	02/11/1964	Kỹ sư Kỹ thuật Hoá học và Thực phẩm, Cử nhân Quản trị kinh doanh/ <i>Engineer of Chemical Techniques and Foods, Bachelor of Business Administration</i>	09/09/2009
5	Ông/Mr. Nguyễn Quang Trí	30/01/1971	Tiến sỹ Quản trị Kinh doanh/ <i>Doctor of Business Administration</i>	05/07/2021
6	Ông/Mr. Lê Hoàng Minh	22/10/1964	Kỹ sư Điện - Điều khiển tự động / <i>Engineer of Automation</i>	01/02/2022
7	Ông/Mr. Đoàn Quốc Khánh	02/09/1974	Kỹ sư chuyên ngành Tự động hóa / <i>Engineer of Automation</i>	01/09/2023

V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

Họ và tên Name	Ngày tháng năm sinh Date of birth	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ Qualification	Ngày bổ nhiệm/Date of appointment
Huỳnh Thị Phương Lan	24/07/1984	Thạc sỹ Kinh tế/ <i>Master in Business</i>	01/07/2024

VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty./ *Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:*

Đa số các thành viên HĐQT đều đã có chứng chỉ hoặc bằng cấp tương đương về Quản trị Công ty./ *Majority of the Board members have obtained the certificate or equivalent certificate in corporate governance.*

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company (annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/ *The list of affiliated persons of the Company*

Vui lòng xem Phụ lục 1 đính kèm/ Please see the Annex 1 attached.

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ *Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.*

Vui lòng xem Phụ lục 2 đính kèm/ Please see the Annex 2 attached.

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.*

Không có/nil

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).*

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/ *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).*

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/ *Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers.*

Mục 4.1, 4.2 và 4.3: Chỉ có các giao dịch đã liệt kê tại Phụ lục 2 ở trên/Only incurred transactions listed in Annex 2 above.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (annual report)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons công ty / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company*

Vui lòng xem Phụ lục 3 đính kèm/ Please see the Annex 3 attached.

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ *Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company*

Vui lòng xem Phụ lục 4 đính kèm/ Please see the Annex 4 attached.

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues

Không có/Nil

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN HẠNH PHÚC

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY/ LIST OF RELATED PARTIES OF THE COMPANY

Kỳ báo cáo/Reporting period: 30/06/2026

STT	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán(nếu có)/ Securities trading account (if any)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH	Ngày cấp/date of issue	Nơi cấp/Place	Địa chỉ liên hệ/Contact address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với công ty/ Relationship with the Company
1	Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam			5000268824	11/07/2007	Việt Nam	10 Tân Trào, Phường Tân Mỹ, Tp HCM	11/07/2007			Công ty con/ Subsidiary
2	Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa			2801971744	21/10/2013	Việt Nam	Khu phố 1, Xã Yên Phú, Tỉnh Thanh Hóa	21/10/2013			Công ty con/ Subsidiary
3	Tổng Công ty Chăn Nuôi Việt Nam - CTCP ("VLC")	003C391500 (SSI)		0100104443	30/06/2010	Việt Nam	519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	15/2/2020			Công ty con/ Subsidiary
4	Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật ("JVL")			0109752537	27/09/2021	Sở KH&ĐT TP Hà Nội	519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	27/09/2021			Công ty con gián tiếp qua VLC/ Indirect subsidiary via VLC
5	Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu			5500154060	28/02/2020	Việt Nam	Số 912 Đường Tháo Nguyên, Phường Tháo Nguyên, Tỉnh Sơn La	16/2/2020			Công ty con gián tiếp qua VLC/ Indirect subsidiary via VLC
6	Công ty cổ phần Đường Việt Nam			4200239089	25/01/2007	Việt Nam	Thôn Thủy Xương, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa	01/11/2017			Công ty con/ Subsidiary
7	Driftwood Dairy Holding Corporation			2478483	1/1/2021	Mỹ	10724 Giao lộ Lower Azusa, El Monte, California 91731- 1390, Mỹ	06/12/2013			Công ty con/ Subsidiary
8	Angkor Dairy Products Co., Ltd			201700294	31/1/2020	Việt Nam	Lô P2-096 và P2-097, Đặc khu kinh tế Phnom Penh (PPSEZ), Quốc lộ 4, Sangkat, Phleung Chhes Totes, Khan PoSenChey, Thủ đô Phnom Penh, Campuchia	06/01/2014			Công ty con/ Subsidiary
9	Lao - Jagro Development Xiengkhouang Co., Ltd.			010/OER	15/1/2020	Việt Nam	Làng Boungvene, quận Pack, tỉnh Xiêng Khoảng, Lào	26/9/2018			Công ty con/ Subsidiary
10	Taupomh Limited (trước đây là "Miraka Holdings Limited")			389/BKH-ĐTRNN	11/09/2010	Việt Nam	108 Tuwharetoa, Po Box 740, Taupo 3351, New Zealand	11/09/2010			Công ty con/ Subsidiary
11	Công ty Cổ phần APIS			0312705358	25/3/2014	Việt Nam	Số 18A-18B VSIP II-A, đường số 27, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, TP. Hồ Chí Minh	1/5/2016			Công ty con/ Subsidiary
12	Công ty cổ phần Chế biến dừa Á Châu			1,300,975,859	19/12/2014	Việt Nam	Khu công nghiệp Giao Long, Giai đoạn II, Xã Giao Long, Tỉnh Vĩnh Long	20/12/2017			Công ty con/ Subsidiary
13	Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn (AFI)			3700916876	07/05/2008	Việt Nam	KCN Mỹ Phước 3, Bình Dương	07/05/2008			Công ty con/ Subsidiary
14	Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)			0101992921	13/05/2019	Việt Nam	Tầng 23 - Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy	20/11/2003			Cổ đông lớn của Vinamilk/Vinamilk's major shareholder
15	F&N Dairy Investments Pte. Ltd.	HSBFCS1089, VCSC		CS1089	30/05/2006	Singapore	438 Alexandra Road, #20-00 Alexandra Point, Singapore 119958	1/12/2014			Nhóm cổ đông lớn của Vinamilk/ Vinamilk's major shareholder group
16	F&N Bev Manufacturing Pte Ltd	HSBFCA7583, VCSC		CA7583	18/12/2014	Singapore	438 Alexandra Road, #20-00 Alexandra Point, Singapore 119958	21/12/2016			
17	PLATINUM VICTORY PTE.LTD			CA5470	21/09/2011	Singapore	239 Alexandra Road, Singapore 159930	30/11/2017	22/4/2026	Ông Alain được miễn nhiệm/Mr. Alain was dismissed	
18	Công ty TNHH JV Meat			2500735831	22/3/2025	Việt Nam	Số 1, Đường Trần Phú, Phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ	25/4/2025			Công ty con gián tiếp qua VLC và JVL/ Indirect subsidiary via VLC & JVL
19	Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận			0300521758	2/1/2004	Việt Nam	170E Phan Đăng Lưu, Phường Đức Nhuận, TP.Hồ Chí Minh	26/4/2022			Có liên quan của Bà/Related to Ms. Tiêu Yến Trinh

(*) Thông tin chi tiết về các quỹ thuộc Pzena được tổng hợp trong danh sách đính kèm.

Detailed information on Pzena-affiliated funds is provided in the attached list.

PHỤ LỤC 2: GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ/ TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND ITS AFFILIATED PERSONS OR BETWEEN THE COMPANY AND ITS MAJOR SHAREHOLDERS, INTERNAL PERSONS AND AFFILIATED PERSONS

STT	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với công ty/ Relationship with the Company	Số Giấy NSH	Ngày cấp/date of issue	Nơi cấp/Place	Địa chỉ liên hệ/Contact address	Thời điểm giao dịch với công ty/ Time of transactions with the Company	Nghi quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT/ AGM's Board resolution (if any)	Nội dung giao dịch/Description of transaction	Giá trị giao dịch /Total transaction value (đồng/VND)	Ghi chú/ Notes
1	Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	Công ty con/ Subsidiary	5000268824	11/07/2007	Việt Nam	10 Tân Trào, Phường Tân Mỹ, Tp HCM	1/1/2026 -> 30/06/2026	02/NQ-CTS.HDQT/2026	Mua hàng hóa, dịch vụ Bán tài sản Bán thành phẩm, dịch vụ, khác Thu nhập khác	1,101,327,774,259 43,127,387 1,063,598,965 20,686,000	
2	Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	Công ty con/ Subsidiary	2801971744	21/10/2013	Việt Nam	Khu phố 1, Xã Yên Phú, Tỉnh Thanh Hóa	1/1/2026 -> 30/06/2026	02/NQ-CTS.HDQT/2026	Mua hàng hóa, dịch vụ, hỗ trợ bán hàng Bán thành phẩm, dịch vụ, khác Lợi nhuận chuyển về	256,027,836,400 2,845,526,020 39,943,160,552	
3	Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật	Công ty con gián tiếp qua VLC/	0109752537	27/09/2021	Sở KH&ĐT TP Hà Nội	519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội	1/1/2026 -> 30/06/2026	02/NQ-CTS.HDQT/2026	Mua hàng hóa, dịch vụ Bán thành phẩm, dịch vụ, khác	810,509,671 422,792,300	
4	Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu	Công ty con gián tiếp qua VLC/ Indirect subsidiary via VLC	5500154060	28/02/2020	Việt Nam	Số 912 Đường Tháo Nguyên, Phường Tháo Nguyên, Tỉnh Sơn La	1/1/2026 -> 30/06/2026	02/NQ-CTS.HDQT/2026	Mua hàng hóa, dịch vụ Thu nhập cổ tức Bán tài sản Bán thành phẩm, dịch vụ, khác	327,441,140,779 9,737,790,000 398,052,045 7,318,620,454	
5	Công ty cổ phần Đường Việt Nam	Công ty con/ Subsidiary	4200239089	25/01/2007	Việt Nam	Thôn Thủy Xương, xã Suối Hiệp, tỉnh Khánh Hòa	1/1/2026 -> 30/06/2026	02/NQ-CTS.HDQT/2026	Mua hàng hóa, dịch vụ, hỗ trợ bán hàng Bán dịch vụ, thành phẩm và khác	303,148,467 152,606,680	
6	Driftwood Dairy Holding Corporation	Công ty con/ Subsidiary	2478483	1/1/2021	Mỹ	10724 Giao lộ Lower Azusa, El Monte, California 91731- 1390, Mỹ	1/1/2026 -> 30/06/2026	02/NQ-CTS.HDQT/2026	Bán thành phẩm, dịch vụ, khác Hỗ trợ bán hàng	39,078,517,194 4,824,448,271	
7	Angkor Dairy Products Co., Ltd	Công ty con/ Subsidiary	201700294	31/1/2020	Việt Nam	Lô P2-096 và P2-097, Đặc khu kinh tế Phnom Penh (PPSEZ), Quốc lộ 4, Sangkat, Phleung Chhes Totes, Khan PoSenChey, Thủ đô Phnom	1/1/2026 -> 30/06/2026	02/NQ-CTS.HDQT/2026	Mua hàng hóa, hỗ trợ bán hàng Bán thành phẩm, dịch vụ, khác Bán tài sản	8,125,348 1,464,172,280,267 328,889,051	
8	Lao - Jagro Development Xiangkhouang Co., Ltd.	Công ty con/ Subsidiary	010/OER	15/1/2020	Việt Nam	Làng Boungvene, quận Pack, tỉnh Xiêng Khoảng, Lào	1/1/2026 -> 30/06/2026	02/NQ-CTS.HDQT/2026	Mua hàng hóa	187,338,741,686	
9	Công ty Cổ phần APIS	Công ty con/ Subsidiary	0312705358	25/3/2014	Việt Nam	Số 18A-18B VSIP II-A, đường số 27, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, TP. Hồ Chí Minh	1/1/2026 -> 30/06/2026	02/NQ-CTS.HDQT/2026	Mua hàng hóa	753,910,921,724	
10	Công ty cổ phần Chế biến dừa Á Châu	Công ty con/ Subsidiary	1300975859	19/12/2014	Việt Nam	Khu công nghiệp Giao Long, Giai đoạn II, Xã Giao Long, Tỉnh Vĩnh Long	1/1/2026 -> 30/06/2026	02/NQ-CTS.HDQT/2026	Mua dịch vụ và hàng hóa	38,192,623,258	
11	Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)	Cổ đông lớn của Vinamilk/Vinamilk 's major shareholder	0101992921	13/05/2019	Việt Nam	Tầng 23 - Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hung, Cầu Giấy	1/1/2026 -> 30/06/2026	NQ 1/NQ- CTS.ĐHĐCĐ/2025 & 06/NQ-CTS.HDQT/2026	Trả cổ tức	1,392,081,713,700	
12	F&N Dairy Investments Pte. Ltd.	Nhóm cổ đông lớn của Vinamilk/ Vinamilk's major shareholder group	CS1089	30/05/2006	Singapore	438 Alexandra Road, #20-00 Alexandra Point, Singapore 119958	1/1/2026 -> 30/06/2026	NQ 1/NQ- CTS.ĐHĐCĐ/2025 & 06/NQ-CTS.HDQT/2026	Trả cổ tức	861,817,856,500	
13	F&N Bev Manufacturing Pte Ltd		CA7583	18/12/2014	Singapore	438 Alexandra Road, #20-00 Alexandra Point, Singapore 119958	1/1/2026 -> 30/06/2026	NQ 1/NQ- CTS.ĐHĐCĐ/2025 & 06/NQ-CTS.HDQT/2026	Trả cổ tức	104,399,895,600	

PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ/LIST OF INSIDERS AND THEIR RELATED PERSONS
Kỳ báo cáo/Reporting period: 30.06.2026

Stt/No.	Mã CK	Tên tổ chức/cá nhân Name	Số tài khoản giao dịch (nếu có)/Trading account if any	Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position at company if any	Mối quan hệ với người nội bộ/Relationship with insider	Loại hình giấy NSH/Owner's ID Type	Số giấy NSH/ Owner's ID No.	Ngày cập nhật/ date of issue	Nơi cấp/Place of issue	Địa chỉ liên hệ/Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / No. of share owned at period-end	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/% owned at period-end	Thời gian bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ/ Starting time of related person of insider	Thời gian không còn là người có liên quan của người nội bộ/ Time to end of related person of insider	Lý do thay đổi của mục 14 & 15/Reason for change of 14 & 15	Ghi chú/Notes Chức vụ người nội bộ tại tổ chức có liên quan/insider's position at related parties
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1	VNM	NGUYỄN HÀNH PHÚC		Chủ tịch HĐQT/ Chairman								0.00%	26/4/2022			
1.01	VNM	Phạm Thị Tuyền			Mẹ vợ/Mother in law								26/4/2022			
1.02	VNM	Nguyễn Quốc Dương			Anh ruột/Brother								26/4/2022			
1.03	VNM	Nguyễn Thị Hòa Bình			Chị ruột/Sister								26/4/2022			
1.04	VNM	Nguyễn Quốc Hoà			Anh ruột/Brother								26/4/2022			
1.05	VNM	Nguyễn Quốc Hành			Em ruột/Brother								26/4/2022			
1.06	VNM	Nguyễn Thị Ngọc Tú			Chị dâu/Sister in law								26/4/2022			
1.07	VNM	Hoàng Xuân Hòa			Anh rể/Brother in law								26/4/2022			
1.08	VNM	Nguyễn Thị Thu Hà			Em dâu/Sister in law								26/4/2022			
1.09	VNM	Thạch Thị Ngọc Bích			Vợ/Spouse								26/4/2022			
1.10	VNM	Nguyễn Trung Kiên			Con đẻ/Child								26/4/2022			
1.11	VNM	Nguyễn Bảo Phong			Con đẻ/Child								26/4/2022			
1.12	VNM	Phạm Thị Huyền Trang			Con dâu/Daughter in law								26/4/2022			
1.13	VNM	Đỗ Hoa Hồng Nhung			Con dâu/Daughter in law								26/4/2022			
2	VNM	MAI KIỀU LIÊN	003C004889	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc/ Director & CEO							6,400,444	0.31%	26/4/2022			
2.01	VNM	Nguyễn Hiệp			Chồng/Husband								26/4/2022			
2.02	VNM	Nguyễn Hiệp Hoàng			Con đẻ/Child								26/4/2022			
2.03	VNM	Nguyễn Mai Chi		Giám đốc Hoạch định chiến lược/ Strategic Planning Director	Con đẻ/Child								26/4/2022			
2.04	VNM	Nguyễn Kim Tóng			Mẹ đẻ/Mother								26/4/2022			Đã lớn tuổi nên chưa làm CCCD/not yet made the ID due to her oldness.
2.05	VNM	Mai Quang Liêm	001C366869		Em ruột/Brother						5,786	0.00%	26/4/2022			
2.06	VNM	Lê Thị Ngọc Thủy	002C003588 003C310617		Em dâu/Sister in law						619,303	0.03%	26/4/2022			
2.07	VNM	Lê Ngọc Sơn			Con rể/Son in law								26/4/2022			
2.08	VNM	Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	5000268824	11/07/2007	Việt Nam	10 Tân Trào, Phường Tân Mỹ, Tp HCM			26/4/2022			Chủ tịch công ty/Chairwoman
2.09	VNM	Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	2801971744	21/10/2013	Việt Nam	Khu phố Sao Đỏ, Xã Yên Phú, tỉnh Thanh Hóa			26/4/2022			Chủ tịch công ty/Chairwoman
2.10	VNM	Driftwood Dairy Holding Corporation			Tổ chức có liên quan/Related party	Giấy phép đầu tu/Investment license	201600140	30/8/2019	Việt Nam	10724 Lower Azusa Rd, El Monte, CA 91731, Hoa Kỳ			26/4/2022			Thành viên HĐQT/Director
2.11	VNM	Lao - Jagro Development Xiangkhouang Co., Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	201600555	26/9/2018	Việt Nam	Boungveng Village, Paek District, Xiangkhouang Province, Lao PDR			26/4/2022			Chủ tịch HĐQT/Chairwoman
2.12	VNM	Tổng Công ty Chăn Nuôi Việt Nam - CTCP	003C391500 (SSI)		Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0100104443	30/06/2010	Việt Nam	519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội			26/4/2022			Chủ tịch HĐQT/Chairwoman
2.13	VNM	Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	5500154060	28/02/2020	Việt Nam	912 Đường Tháo Nguyễn, Phường Tháo Nguyễn, Tỉnh Sơn La			26/4/2022			Chủ tịch HĐQT/Chairwoman
2.14	VNM	Del Monte - Vinamilk Dairy Philippines, Inc.			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	2021070019309-07	12/7/2021	Philippines	JY Campos Centre, 9th Avenue corner 30th Street, Bonifacio Global City, Taguig City			26/4/2022	15/4/2025	VNM đã chuyển nhượng vốn/ VNM has transferred shares	Chủ tịch HĐQT/Chairperson
3	VNM	ALAIN XAVIER CANY		Thành viên HĐQT/ Director		Hộ chiếu/Passport	19FV06340	4/7/2019	Tổng lãnh sự Pháp tại HCM	C/o 14/F, Unit 14.3, Tòa nhà E.town Central, 11 Đoàn Văn Bơ, Q.4, Tp.HCM		0.00%	26/4/2022	22/4/2026	Từ nhiệm TV HĐQT tại VNM/ Resigned from VNM's directorship.	
3.01	VNM	Anna Elisabeth Briot ép Cany			Vợ/Spouse								26/4/2022	22/4/2026	Ông Alain từ nhiệm TV HĐQT tại VNM/ Mr. Alain resigned from VNM's directorship.	
3.02	VNM	Xavier Florent Cany			Con đẻ/Child								26/4/2022	22/4/2026		
3.03	VNM	Laetitia Celine Cany			Con đẻ/Child								26/4/2022	22/4/2026		
3.04	VNM	PLATINUM VICTORY PTE.LTD.			Tổ chức có liên quan/Related party	Giấy phép đầu tu/Investment license	CD4788	40807	VSDC	239 Alexandra Road, Singapore 159930	52,551,922	2.51%	26/4/2022	22/4/2026		Cố vấn cao cấp/Senior Advisor
3.05	VNM	Công ty Cổ Phần Cơ Điện Lạnh (REE CORP)			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0300741143	3/8/2020	Sở Kế Hoạch & Đầu Tư	C/o 14/F, Unit 14.3, Tòa nhà E.town Central, 11 Đoàn Văn Bơ, P13, Q.4, Tp.HCM			26/4/2022	31/3/2026	Từ nhiệm TV HĐQT tại REE/ Resigned from REE's directorship.	Chủ tịch HĐQT/Chairperson
4	VNM	MICHAEL CHYE HIN FAH		Thành viên HĐQT/ Director									26/4/2022			
4.01	VNM	Audrey Joe-Chye			Vợ/Spouse								26/4/2022			
4.02	VNM	Francine Chye Ying Lai			Con đẻ/Child								26/4/2022			
4.03	VNM	Michelle Chye Ying Mei			Con đẻ/Child								26/4/2022			
4.04	VNM	Elisha Chye Ying Ling			Con đẻ/Child								26/4/2022			
4.05	VNM	Tan Hien Eng			Mẹ đẻ/Mother								26/4/2022			
4.06	VNM	Elizabeth Chye Pak Yoon			Anh em ruột/Sibling								26/4/2022			
4.07	VNM	Rita Chye Pak Yen			Anh em ruột/Sibling								26/4/2022			
4.08	VNM	Anastasia Chye Pak Mee			Anh em ruột/Sibling								26/4/2022			
4.09	VNM	Louis Wong Jun Ren			Con rể/Son in law								26/4/2022			
4.10	VNM	Nicholas Cheng			Anh em rể/Brother in law								26/4/2022			
4.11	VNM	Gerald Bland			Anh em rể/Brother in law								26/4/2022			
4.12	VNM	Gerald Wong			Anh em rể/Brother in law								26/4/2022			
4.13	VNM	Peter Wong			Anh em rể/Brother in law								26/4/2022			
4.14	VNM	Brian Yan			Anh em rể/Brother in law								26/4/2022			
4.15	VNM	Angela Yan			Chị em dâu/Sister in law								26/4/2022			
4.16	VNM	Junie Wong			Chị em dâu/Sister in law								26/4/2022			
4.17	VNM	Margaret Wong			Chị em dâu/Sister in law								26/4/2022			
4.18	VNM	Lisa Wong			Chị em dâu/Sister in law								26/4/2022			
4.19	VNM	F&N Dairy Investments Pte. Ltd.	HSBFCS1089, VCSC		Tổ chức có liên quan/Related party	GBKDN/Certificate of Incorporation	198703218C	14/10/1987	Singapore	438 Alexandra Road, #20-00 Alexandra Point, Singapore 119958	465,847,490	22.29%	26/4/2022			Đại diện vốn/ Capital representative

Stt/No.	Mã CK/	Tên tổ chức/cá nhân Name	Số tài khoản giao dịch (nếu có)/Trading account if any	Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position at company if any	Mối quan hệ với người nội bộ/Relationship with insider	Loại hình giấy NSH/Owner's ID Type	Số giấy NSH/ Owner's ID No.	Ngày cấp/date of issue	Nơi cấp/Place of issue	Địa chỉ liên hệ/Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / No. of share owned at period-end	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/% owned at period-end	Thời gian bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ/ Starting time of related person of insider	Thời gian không còn là người có liên quan của người nội bộ/ Time to end of related person of insider	Lý do thay đổi của mục 14 & 15/Reason for change of 14 & 15	Ghi chú/Notes Chức vụ người nội bộ tại tổ chức có liên quan/insider's position at related parties
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
4.20	VNM	F&NBev Manufacturing Pte. Ltd.	HSBFCA7583, VCSC		Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	200107348W	10/11/2001	Singapore	438 Alexandra Road, #20-00 Alexandra Point, Singapore 119958	56,432,376	2.70%	26/4/2022			Đại diện vốn/ Capital representative
4.21	VNM	OCTAVE Capital Pte. Ltd. (formerly known as Heritas Capital Management Pte. Ltd.)			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	199704720C	8/7/1997	Singapore	9 Temasek Boulevard #06-03 Suntec Tower Two, Singapore 038989			26/4/2022			TV HĐQT không điều hành/ Non-executive Director
4.22	VNM	Tsao Pao Chee Group Limited (formerly known as IMC Pan Asia Alliance Corporation)			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	53608	11/12/1991	Tortola, British Virgin Islands	Vistra Corporate Services Centre, Wickhams Cay II, Road Town, Tortola, VG1110, British Virgin Islands			26/4/2022			TV HĐQT không điều hành/ Non-executive Director
4.23	VNM	Prudence Holdings Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	ICA12014/2015	30/12/2015	Cook Islands	3/F BCI House, Avarua, Rarotonga, Cook Islands			26/4/2022			TV HĐQT không điều hành/ Non-executive Director
4.24	VNM	Fraser and Neave Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	189800001R	26/1/1898	Singapore	438 Alexandra Road, #20-00 Alexandra Point, Singapore 119958			26/4/2022			TV HĐQT dự khuyết / Alternate Director
4.25	VNM	Wellwater Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	2316351	7/12/2015	Hong Kong	Room 901-2, Silvercord, Tower 1, 30 Canton Road, Tsim Sha Tsui, Kowloon, Hong Kong			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.26	VNM	International Beverage Holdings Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	860106	19/3/2008	Hong Kong	Room 901-2, Silvercord, Tower 1, 30 Canton Road, Tsim Sha Tsui, Kowloon, Hong Kong			26/4/2022			TV HĐQT không điều hành/ Non-executive Director
4.27	VNM	BevCo Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	2534736	12/5/2017	Hong Kong	Room 901-2, Silvercord, Tower 1, 30 Canton Road, Tsim Sha Tsui, Kowloon, Hong Kong			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.28	VNM	BevCo Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	01055584654	20/11/2015	Bangkok, Thailand	14 Sangsom Building, Vibhavadi Rangsit Road, Chomphon Sub- district, Chatuchak District, Bangkok 10900, Thailand			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.29	VNM	InterBev (Singapore) Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	200511780N	31/8/2005	Singapore	438 Alexandra Road, #05-01 Alexandra Point, Singapore 119958			26/4/2022			TV HĐQT không điều hành/ Non-executive Director
4.30	VNM	Super Brands Company Pte. Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	201007967C	15/4/2010	Singapore	438 Alexandra Road, #05-01 Alexandra Point, Singapore 119958			26/4/2022			TV HĐQT không điều hành/ Non-executive Director
4.31	VNM	International Beverage Holdings (Singapore) Pte Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	201632390K	29/11/2016	Singapore	438 Alexandra Road, #05-01 Alexandra Point, Singapore 119958			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.32	VNM	BeerCo Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	2317434	9/12/2015	Hong Kong	Room 901-2, Silvercord, Tower 1, 30 Canton Road, Tsim Sha Tsui, Kowloon, Hong Kong			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.33	VNM	Beer Chang International Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	200010399M	13/12/2000	Singapore	438 Alexandra Road, #05-01 Alexandra Point, Singapore 119958			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.34	VNM	Alliance Asia Investment Private Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	201320960W	25/11/2015	Singapore	438 Alexandra Road, #05-01 Alexandra Point, Singapore 119958			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.35	VNM	Alliance Strategic Investments Pte. Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	201609257C	24/10/2016	Singapore	438 Alexandra Road, #05-01 Alexandra Point, Singapore 119958			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.36	VNM	International Beverage Trading (Hong Kong) Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	2592758	18/10/2017	Hong Kong	Room 901-2, Silvercord, Tower 1, 30 Canton Road, Tsim Sha Tsui, Kowloon, Hong Kong			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.37	VNM	Myanmar Supply Chain and Marketing Services Company Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	1976399662	1/3/2013	Yangon, Myanmar	No. 33, 6½ miles, Pyay Road, 11 Quarter, Hlaing Township, Yangon, Myanmar			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.38	VNM	Grand Royal Group International Company Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	197494565	1/3/2013	Yangon, Myanmar	No. 33, 6½ miles, Pyay Road, 11 Quarter, Hlaing Township, Yangon, Myanmar			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.39	VNM	Inver House Distillers Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	SC040036	12/3/1964	Edinburgh, Scotland	Moffat Distillery, Airdrie, ML6 8PL, Scotland			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.40	VNM	Vietnam F&B Alliance Investment Joint Stock Company			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0108003197	29/7/2017	Hà Nội	Suite 502B, 5th floor, HCO Building, 44B Ly Thuong Kiet, Tran Hung Dao ward, Hoan Kiem district, Hanoi, Vietnam			26/4/2022			ĐDPL, Chủ tịch HĐQT/ Legal Representative, Chairperson
4.41	VNM	Vietnam Beverage Company Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0108014953	6/10/2017	Hà Nội	Suite 502B, 5th floor, HCO Building, 44B Ly Thuong Kiet, Tran Hung Dao ward, Hoan Kiem district, Hanoi, Vietnam			26/4/2022			ĐDPL, TGB / Legal Representative, CEO
4.42	VNM	Havi Logistics (Thailand) Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	0105534055331	14/6/1991	Samutprakan, Thailand	363 Moo 17, Bangna-Trad Road 23 Km, Tambon Bangsaethong, Amphoe Bangsaethong, Samutprakan 10570, Thailand			26/4/2022			Chủ tịch HĐQT/Chairman
4.43	VNM	Havi Food Distribution (Thailand) Co., Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	0115548004670	28/4/2005	Samutprakan, Thailand	363 Moo 17, Bangna-Trad Road 23 Km, Tambon Bangsaethong, Amphoe Bangsaethong, Samutprakan 10570, Thailand			26/4/2022			Chủ tịch HĐQT/Chairman
4.44	VNM	International Beverage Holdings (UK) Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	SC222095	10/8/2001	Edinburgh, Scotland	Moffat Distillery, Airdrie, ML6 8PL, Scotland			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.45	VNM	Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corporation			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0300583659	18/5/2020	Tp.HCM	187 Nguyen Chi Thanh, Ward 12, District 5, Ho Chi Minh City, Vietnam			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.46	VNM	ASM International Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	2841461	14/6/2019	Hong Kong	Room 901-2, Silvercord, Tower 1, 30 Canton Road, Tsim Sha Tsui, Kowloon, Hong Kong			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.47	VNM	F&N Retail Connection Co., Ltd			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	0105562052945	18/3/2019	Bangkok, Thailand	14 Sangsom Building, Vibhavadi Rangsit Road, Chomphon Sub-district, Chatuchak District, Bangkok 10900, Thailand			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.48	VNM	InterF&B Pte. Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	198502631R	17/12/1985	Singapore	438 Alexandra Road, #20-00 Alexandra Point, Singapore 119958			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.49	VNM	Max Asia Food and Beverage (Thailand) Co., Ltd			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	0105562055014	21/3/2019	Bangkok, Thailand	383 Exchange Tower, Floor 12 & 16, Sukhumvit Road, Khlong Toei Sub-district, Khlong Toei District, Bangkok 10110, Thailand			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.50	VNM	International Breweries Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	2861901	9/8/2019	Hong Kong	Room 901-2, Silvercord, Tower 1, 30 Canton Road, Tsim Sha Tsui, Kowloon, Hong Kong			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.51	VNM	Chang Beer UK Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	SC642831	26/9/2019	Edinburgh, Scotland	Moffat Distillery, Airdrie, ML6 8PL, Scotland			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.52	VNM	BeerCo Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	201942571N	9/1/2020	Singapore	438 Alexandra Road, #07-03 Alexandra Point, Singapore 119958			26/4/2022			TV HĐQT, TGB / Board member, CEO
4.53	VNM	Inver House Distillers (ROI) Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	659605	25/10/2019	Edinburgh, Scotland	Moffat Distillery, Airdrie, ML6 8PL, Scotland			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.54	VNM	Asia Breweries Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	202001919G	16/1/2020	Singapore	438 Alexandra Road, #07-03 Alexandra Point, Singapore 119958			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member

Stt/No.	Mã CK/	Tên tổ chức/cá nhân Name	Số tài khoản giao dịch (nếu có)/Trading account if any	Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position at company if any	Mối quan hệ với người nội bộ/Relationship with insider	Loại hình giấu NSH/Owner's ID Type	Số giấy NSH/ Owner's ID No.	Ngày cấp/date of issue	Nơi cấp/Place of issue	Địa chỉ liên hệ/Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / No. of share owned at period-end	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/% owned at period-end	Thời gian bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ/ Starting time of related person of insider	Thời gian không còn là người có liên quan của người nội bộ/ Time to end of related person of insider	Lý do thay đổi của mục 14 & 15/Reason for change of 14 & 15	Ghi chú/Notes Chức vụ người nội bộ tại tổ chức có liên quan/insider's position at related parties
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
4.55	VNM	Siam Breweries Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	202001922D	16/1/2020	Singapore	438 Alexandra Road, #07-03 Alexandra Point, Singapore 119958			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.56	VNM	Super Beer Brands Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	202004093C	27/5/2020	Singapore	438 Alexandra Road, #07-03 Alexandra Point, Singapore 119958			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.57	VNM	Chang Holding Co., Ltd			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	0105563014401	24/1/2020	Bangkok, Thailand	14 Sangsom Building, Vibhavadi Rangsit Road, Chomphon Sub- district, Chatuchak District, Bangkok 10900, Thailand			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.58	VNM	Chang International Co., Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	0105552023926	6/3/2009	Bangkok, Thailand	62 8th, 9th Floor, Ratchadaphisek Road, Klongtoey Sub-District, Klongtoey District, Bangkok 10110, Thailand			26/4/2022			Phó chủ tịch/ Executive Chairman
4.59	VNM	InterBev (Singapore) 2019 Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	202004096N	5/2/2020	Singapore	438 Alexandra Road, #07-03 Alexandra Point, Singapore 119958			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.60	VNM	Thai Breweries Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	202004098R	5/2/2020	Singapore	438 Alexandra Road, #07-03 Alexandra Point, Singapore 119958			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.61	VNM	Chang Beer Company Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	0105558185057	23/11/2015	Bangkok, Thailand	62 9th Floor, Ratchadaphisek Road, Klongtoey Sub-District, Klongtoey District, Bangkok 10110, Thailand			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.62	VNM	South East Asia Logistics Pte. Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	202121716E	21/6/2021	Singapore	438 Alexandra Road, #05-01 Alexandra Point, Singapore 119958			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.63	VNM	Chang Corporation Co., Ltd.,			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	0105558184662	20/11/2015	Bangkok, Thailand	14 Sangsom Building, Vibhavadi Rangsit Road, Chomphon Sub- district, Chatuchak District, Bangkok 10900, Thailand			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.64	VNM	Vietnam Logistics and Supply Chain Company Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0316972844	11/10/2021	Tp.HCM	6F & 7F, Me Linh Point Tower, No. 2, Ngo Duc Ke Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.65	VNM	SEA Logistics & Technology Pte. Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	202211736R	5/4/2022	Singapore	438 Alexandra Road, #05-01 Alexandra Point, Singapore 119958			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.66	VNM	Super Food Brands Company Pte. Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	202213557R	19/4/2022	Singapore	438 Alexandra Road, #05-01 Alexandra Point, Singapore 119958			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
4.67	VNM	VietBev Company Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0317388984	15/7/2022	Việt Nam	6F & 7F, Me Linh Point Tower, No. 2, Ngo Duc Ke Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam			15/7/2022			TV HĐQT/BOD member
4.68	VNM	BeerCo (Cambodia) Co., Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	1000212813	16/11/2022	Cambodia	3, Boeng Keng Kang Ti Bel, Boeng Keng Kang, Phnom Penh, Cambodia			16/11/2022			Chủ tịch HĐQT/Chairperson
4.69	VNM	Fraser & Neave Holdings Bhd			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	196101000155 (4205- V)	5/3/1996	Malaysia	No. 1 Jalan Bukit Belimbing 26/38, Persiaran Kuala Selangor, Section 26, 40400 Shah Alam, Selangor Darul Ehsan, Malaysia			17/1/2023			TV HĐQT không điều hành/ Non-executive Director
4.70	VNM	Cambodia Breweries Pte. Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	202315465H	21/4/2023	Singapore	438 Alexandra Road, #07-03 Alexandra Point, Singapore 119958			21/4/2023			TV HĐQT/BOD member
4.71	VNM	MLSC Myanmar Logistics and Supply Chain Company Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	137806851	22/6/2023	Myanmar	Block A, #02-02, Yaw Gi Kyaung Street No. 151, Ward 11, Hlaing Township, Yangon Region, Myanmar			22/6/2023			TV HĐQT/BOD member
4.72	VNM	Chang Beer (Cambodia) Co., Ltd			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	1000312348	30/8/2023	Cambodia	26B - 95A - 95B, 2nd Floor, Room 202, Street 320, Phum 3, Boeng Keng Kang Ti Bel, Boeng Keng Kang, Phnom Penh, Kingdom of Cambodia.			30/8/2023			TV HĐQT/BOD member
4.73	VNM	International Beverage Holdings (New Zealand) Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	9429051590987	8/9/2023	New Zealand	Bel Gully, Level 22, Vero Centre, 48 Shortland Street, Auckland Central, Auckland, 1010, New Zealand			8/9/2023			TV HĐQT/BOD member
4.74	VNM	BevFood Holdings Pte. Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	202319352N	17/5/2023	Singapore	438 Alexandra Road, #07-03 Alexandra Point, Singapore 119958			20/11/2023			Chủ tịch HĐQT/ Chairman
4.75	VNM	Apex Equity Group Pte. Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	202342478Z	24/10/2023	Singapore	438 Alexandra Road, #03-03 Alexandra Point, Singapore 119958			3/5/2024			TV HĐQT/BOD member
4.76	VNM	Aurora Bloom Capital Pte. Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	202341775N	19/10/2023	Singapore	438 Alexandra Road, #03-03 Alexandra Point, Singapore 119958			3/5/2024			TV HĐQT/BOD member
4.77	VNM	Capital Prosperity Venture Pte. Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	202342481R	24/10/2023	Singapore	438 Alexandra Road, #03-03 Alexandra Point, Singapore 119958			3/5/2024			TV HĐQT/BOD member
4.78	VNM	Honor Harmony Holding Group Pte. Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	202341816D	19/10/2023	Singapore	438 Alexandra Road, #03-03 Alexandra Point, Singapore 119958			3/5/2024			TV HĐQT/BOD member
4.79	VNM	InterBev Trading (China) Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	915304006930724526	27/12/2023	China	No. 79, Kunlun Road, Shuangjiang Street, Eshan Yi Autonomous County, Yuxi City, Yunnan Province, China 653200			3/4/2024			TV HĐQT/BOD member
4.80	VNM	Opulent Business Solutions Pte. Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	202342483W	24/10/2023	Singapore	438 Alexandra Road, #03-03 Alexandra Point, Singapore 119958			3/5/2024			TV HĐQT/BOD member
4.81	VNM	Plenty Max Property Holdings Pte. Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	202342484H	24/10/2023	Singapore	438 Alexandra Road, #03-03 Alexandra Point, Singapore 119958			3/5/2024			TV HĐQT/BOD member
4.82	VNM	Prospera Investing Ventures Pte. Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	202342480E	24/10/2023	Singapore	438 Alexandra Road, #03-03 Alexandra Point, Singapore 119958			3/5/2024			TV HĐQT/BOD member
4.83	VNM	Stellar Asset Investment Pte. Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	202342486K	24/10/2023	Singapore	438 Alexandra Road, #03-03 Alexandra Point, Singapore 119958			3/5/2024			TV HĐQT/BOD member
4.84	VNM	Timeless Treasure Investing Pte. Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	202342487C	24/10/2023	Singapore	438 Alexandra Road, #03-03 Alexandra Point, Singapore 119958			3/5/2024			TV HĐQT/BOD member
4.85	VNM	Trendy Prosperity Holding Pte. Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKN/Certificate of Incorporation	202342488M	24/10/2023	Singapore	438 Alexandra Road, #03-03 Alexandra Point, Singapore 119958			3/5/2024			TV HĐQT/BOD member
4.86	VNM	Larsen le Cognac des Vikings			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	791394141	27/2/2013	France	66 Boulevard de Paris, 16100 Cognac, France			29/9/2023			Thành viên BKS/ Member of the Supervisory Board

Stt/No.	Mã CK/	Tên tổ chức/cá nhân Name	Số tài khoản giao dịch (nếu có)/Trading account if any	Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position at company if any	Mối quan hệ với người nội bộ/Relationship with insider	Loại hình giấu NSH/Owner's ID Type	Số giấy NSH/ Owner's ID No.	Ngày cấp/date of issue	Nơi cấp/Place of issue	Địa chỉ liên hệ/Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / No. of share owned at period-end	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/% owned at period-end	Thời gian bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ/ Starting time of related person of insider	Thời gian không còn là người có liên quan của người nội bộ/ Time to end of related person of Insider	Lý do thay đổi của mục 14 & 15/Reason for change of 14 & 15	Ghi chú/Notes Chức vụ người nội bộ tại tổ chức có liên quan/insider's position at related parties
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
4.87	VNM	BevFood Trading (Cambodia) Co., Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKDN/Certificate of Incorporation	00065935	12/12/2022	Cambodia	Amass Central Tower, No. 176, 6th Floor, Street 63 Corner 282, Village 6, Sangkat Boeng Keng Kang 1, Khan Boeng Keng Kang, Phnom Penh, Cambodia			2/10/2023			Chủ tịch HĐQT và Đại diện/ Chairman of the Board of Directors and Representative of BevFood Holdings Pte. Ltd.
4.88	VNM	International Beverage Vietnam Company Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKDN/Certificate of Incorporation	0107598625	17/10/2016	Vietnam	11th Floor, IDMC My Dinh Tower, 15 Pham Hung Street, My Dinh 2 Ward, South Tu Lien District, Hanoi, Vietnam			6/12/2024			Đại diện pháp luật, TV HĐQT/ Legal Representative, Director
4.89	VNM	Best Spirits Company Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKDN/Certificate of Incorporation	129716	4/11/1983	Hong Kong	Room 901-2, Silvercord, Tower 1, 30 Canton Road, Tsim Sha Tsui, Kowloon, Hong Kong			20/8/2025			TV HĐQT/BOD member
4.90	VNM	Chang HK Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKDN/Certificate of Incorporation	2861926	9/8/2019	Hong Kong	Room 901-2, Silvercord, Tower 1, 30 Canton Road, Tsim Sha Tsui, Kowloon, Hong Kong			20/8/2025			TV HĐQT/BOD member
4.91	VNM	InterBev (Cambodia) Co., Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKDN/Certificate of Incorporation	00007439	27/3/2006	Cambodia	Phum 3, Boeng Keng kang Bel, Chamkar Mon, Phnom Penh, 12304, Cambodia			21/8/2025			TV HĐQT/BOD member
4.92	VNM	InterBev Malaysia Sdn. Bhd.			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKDN/Certificate of Incorporation	200601005773 (725522 T)	3/3/2006	Malaysia	Unit 30-01, Level 30, Tower A, Vertical Business Suite, Avenue 3, Bangsar South, No.8, Jalan Kerinchi, 59200 Kuala Lumpur, Wilayah Persekutuan			28/7/2025			TV HĐQT không điều hành/ Non-executive Director
4.93	VNM	InterBev Timor, Unipessoal, Lda			Tổ chức có liên quan/Related party	GDKDN/Certificate of Incorporation	1218031	19/1/2015	Timor-Leste	Timor Plaza, Suite #330, 3 Andar, AV, Presidente Nicolau Lobato, 20 De Setembro, Bebonuc, Dom Aleixo, Dili, Timor-Leste			5/8/2025			TV HĐQT/BOD member
5	VNM	ĐANG THỊ THU HÀ	091C18173	Thành viên HĐQT/ Director		CCCD/ID	035173000048	23/07/2014	Hà Nội	3/41 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội			26/4/2022			
5.01	VNM	Đỗ Việt Dũng			Chồng/Husband								26/4/2022			
5.02	VNM	Đỗ Việt Thắng			Con đẻ/Child								26/4/2022			
5.03	VNM	Đỗ Khánh Giang			Con đẻ/Child								26/4/2022			
5.04	VNM	Đinh Thị Vân			Mẹ đẻ/Mother								26/4/2022			
5.05	VNM	Đặng Hồng Sơn			Anh ruột/Brother								26/4/2022			
5.06	VNM	Đặng Thị Thu Thủy			Em ruột/Sister								26/4/2022			
5.07	VNM	Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0101992921	13/05/2019	Việt Nam	Tầng 23 - Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy	752.476.602	36.00%	26/4/2022			Trưởng ban - Ban đầu tư 3/ Head of Investment Department 3
5.08	VNM	Công ty CP Dược Hậu Giang			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	5703000111	15/09/2004	Sở KH&ĐT Cần Thơ	288 Bis Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hòa, Q. Ninh Kiều, Cần Thơ			26/4/2022			Chủ tịch HĐQT/Chairlady
6	VNM	ĐỖ LÊ HÙNG	011C146626 003C121212 004C024296	Thành viên HĐQT độc lập/ Independent Director								0.00%	26/4/2022			
6.01	VNM	Đỗ Hoàng Long			Con đẻ/Child								26/4/2022			
6.02	VNM	Đỗ Hoàng Linh	004C027874		Con đẻ/Child								26/4/2022			
6.03	VNM	Lê Thị Hoa Tiểu			Mẹ đẻ/Mother								26/4/2022			
6.04	VNM	Đỗ Lê Minh	018C360000		Anh ruột/Brother								26/4/2022			
6.05	VNM	Đỗ Lê Hoàng	018C202870		Em ruột/Brother								26/4/2022			
6.06	VNM	Đỗ Thị Yến			Chị dâu/Sister in law								26/4/2022			
6.07	VNM	Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	5703000111	15/9/2004	Cần Thơ	288 Bis Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường An Hoà, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
6.08	VNM	Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Bất động sản An Gia			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0311500196	18/1/2012	Tp.HCM	30 Nguyễn Thị Diệu, Phường 6, quận 3, TP HCM			18/10/2024			TV HĐQT/BOD member
6.09	VNM	Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0300645369	29/12/2006	Tp.HCM	1B Hoàng Diệu, Quận 4, Tp.Hồ Chí Minh			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
6.10	VNM	Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0300741143	29/05/2020	Việt Nam	364 Cộng Hòa, Phường 13, Q. Tân Bình , TP HCM			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
7	VNM	LÊ THANH LIÊM	002C013342-BSC 009C076212-VCBS 003C005084-SSI	Thành viên HĐQT kiêm GDDH Tài chính /Director, CFO							493,381	0.02%	26/4/2022			
7.01	VNM	Nguyễn Hoàng Giang			Vợ/Spouse								26/4/2022			
7.02	VNM	Lê Nguyễn Hải My			Con đẻ/Child								26/4/2022			
7.03	VNM	Lê Nguyễn Bảo Ngọc			Con đẻ/Child								26/4/2022			
7.04	VNM	Lê Văn Khiêm			Anh ruột/Brother								26/4/2022			
7.05	VNM	Lê Thị Yến Xuân			Chị ruột/Sister								26/4/2022			
7.06	VNM	Lê Thị Ngọc Sương			Chị ruột/Sister								26/4/2022			
7.07	VNM	Lê Thị Ngọc Bích			Chị ruột/Sister								26/4/2022			
7.08	VNM	Võ Văn Thành			Anh rể/Brother in law								26/4/2022			
7.09	VNM	Trần Tấn Phát			Anh rể/Brother in law								26/4/2022			
7.10	VNM	Nguyễn Văn Minh			Anh rể/Brother in law								26/4/2022			
7.11	VNM	Nguyễn Thị Mạnh			Chị dâu/Sister in law								26/4/2022			
7.12	VNM	Trần Thị Bé			Chị dâu/Sister in law								26/4/2022			
7.13	VNM	Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0101992921	13/05/2019	Việt Nam	Tầng 23 - Tòa nhà Charmvit, 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy	752.476.602	36.00%	26/4/2022			Đại diện vốn SCIC/Rep of SCIC
7.14	VNM	Del Monte - Vinamilk Dairy Philippines, Inc.			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	2021070019309-07	12/7/2021	Philippines	JY Campos Centre, 9th Avenue corner 30th Street, Bonifacio Global City, Taguig City			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
7.15	VNM	Tổng Công ty Chăn Nuôi Việt Nam - CTCP (SSI)	003C391500 (SSI)		Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0100104443	30/06/2010	Việt Nam	519 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội			8/6/2022			TV HĐQT/BOD member
8	VNM	Tongjai Thanachanan		Thành viên HĐQT/ Director								0.00%	25/4/2025			
8.01	VNM	Emmanuel Marion			Chồng/Husband								25/4/2025			
8.02	VNM	Cyrl Marion			Con đẻ/Child								25/4/2025			
8.03	VNM	Pacome Marion			Con đẻ/Child								25/4/2025			
8.04	VNM	Thai Beverage Public Company Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0107546000342	29/10/2003	Thailand	260 Phahonyothin Rd, Samsen Nai, Phaya Thai, Bangkok 10400, Thailand			25/4/2025			Phó Chủ tịch Điều hành, Giám đốc PTBV và Chiến lược/Executive Vice President, Chief Sustainability and Strategy
8.05	VNM	Fraser and Neave Holdings Bhd.			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	196101000155	16/1/2025	Malaysia	No. 1 Jalan Bukit Belimbing 26, 38, Persiaran Kuala Selangor, Seksyen 26, 40400 Shah Alam, Selangor, Malaysia			25/4/2025			TV HĐQT/BOD member
8.06	VNM	The Spoon Co., Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0105567173767	22/8/2024	Thailand	57 Park Venture Ecoplex Building, 21st Floor, Room No. 2105-2107, Wittayu Road, Lumpini Subdistrict, Pathumwan District, Bangkok 10330			25/4/2025			TV HĐQT/BOD member
8.07	VNM	Sustainability Expo Co., Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0105567070780	1/4/2024	Thailand	CW Tower Building, 10th Floor, No. 90 Ratchadaphisek Road, Huai Khwang Subdistrict, Huai Khwang District, Bangkok 10310			25/4/2025			Phó chủ tịch/Vice Chairman
8.08	VNM	Amarin Corporations Public Company Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0107536000480	15/6/1993	Thailand	378, Chaiyaphruek, Taling Chan, Taling Chan District, Bangkok			25/4/2025			TV HĐQT/BOD member

Stt/No.	Mã CK/	Tên tổ chức/cá nhân Name	Số tài khoản giao dịch (nếu có)/Trading account if any	Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position at company if any	Mối quan hệ với bộ/Relationship with insider	Loại hình giấy NSH/Owner's ID Type	Số giấy NSH/ Owner's ID No.	Ngày cấp/date of issue	Nơi cấp/Place of issue	Địa chỉ liên hệ/Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / No. of share owned at period-end	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/% owned at period-end	Thời gian bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ/ Starting time of related person of insider	Thời gian không còn là người có liên quan của người nội bộ/ Time to end of related person of insider	Lý do thay đổi của mục 14 & 15/Reason for change of 14 & 15	Ghi chú/Notes Chức vụ người nội bộ tại tổ chức có liên quan/insider's position at related parties
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
8.09	VNM	ThaiBev HC Development Co., Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0105566197956	11/10/2023	Thailand	14 Saengsom Building, Soi Yasu 1, Vibhavadi Rangsit Road, Chom Phon Subdistrict, Chatuchak District, Bangkok 10900			25/4/2025			TV HĐQT/BOD member
8.10	VNM	Digital and Technology Services Co., Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0105566169065	22/6/2021	Thailand	165/125, Tha Kham, Hat Yai, Songkhla			25/4/2025			TV HĐQT điều hành/Executive Director
8.11	VNM	BetterBe Marketplace Co., Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0105548000241	4/1/2005	Thailand	162/1-2, 168/10 Gateway Bang Sue Shopping Center, 7th Floor, Pracharat 2, Bang Sue, Bang Sue District, Bangkok			25/4/2025			TV HĐQT/BOD member
8.12	VNM	Thai Beverage Training Co., Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0105553012332	30/1/2023	Thailand	14 Vibhavadi Rangsit Road, Chom Phon Subdistrict, Chatuchak District, Bangkok 10900			25/4/2025			TV HĐQT/BOD member
8.13	VNM	Must Be Company Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0105565131781	15/8/2022	Thailand	62 Ratchadaphisek Road, Khlong Toei Subdistrict, Khlong Toei District, Bangkok 10110			25/4/2025			TV HĐQT/BOD member
8.14	VNM	Money Mine Company Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0105565098334	17/6/2022	Thailand	2, Unit No. 1501-1504, 15th Floor, Silom Edge, Silom Road, Suriya Won, Bangrak, Bangkok 10500			25/4/2025			TV HĐQT/BOD member
8.15	VNM	C.A.I. (Social Enterprise) Co., Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0105562027053	8/2/2019	Thailand	90, CW Tower, 14, Ratchadaphisek, Huai Khwang, Huai Khwang District, Bangkok			25/4/2025			TV HĐQT điều hành/Executive Director
8.16	VNM	Rurak Samakkee Social Enterprise (Thailand) Co., Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0105559068178	29/8/2016	Thailand	90, CW Tower, 1, Ratchadaphisek, Huai Khwang, Huai Khwang District, Bangkok			25/4/2025			TV HĐQT/BOD member
8.17	VNM	Foundation for the Institute of Social Enterprise Development			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0993000389565	26/3/2018	Thailand	Muang, CHIANG MAI, Thailand			25/4/2025			Thư ký/Secretary
8.18	VNM	Siam Able Innovation (Social Enterprise) Company Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0725562000818	11/4/2019	Thailand	106/1, Nang Bua, originally from Nang Bua, Suphan Buri			25/4/2025			TV HĐQT/Board member
8.19	VNM	LARSEN - LE COGNAC DES VIKINGS			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	791394141	29/9/2023	France	Larsen le Cognac des Vikings SAS, 66 Bd de Paris, Cognac, 16100			25/4/2025			Thành viên BKS/ Member of the Supervisory Board
8.20	VNM	Little John Digital Co., Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0105567179684	30/8/2024	Thailand	62 Ratchadaphisek Road, Khlong Toei Subdistrict, Khlong Toei District, Bangkok 10110			25/4/2025			TV HĐQT/BOD member
8.21	VNM	NocNoc Choice Company Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0105567034643	13/2/2024	Thailand	162/1-2, 168/10 Pracha Rat, Sai 2 Road, Bang Sue, Bangkok 10800			25/4/2025			TV HĐQT/BOD member
8.22	VNM	Open Innovation Co., Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0105565130700	11/8/2022	Thailand	62 Ratchadaphisek Road, Khlong Toei Subdistrict, Khlong Toei District, Bangkok 10110			25/4/2025			TV HĐQT/BOD member
9	VNM	VŨ TRI THỨC	003C110968	Thành viên HĐQT/ Director							4,000		25/4/2025			
9.01	VNM	Vũ Đình Thân			Bố đẻ/Father								25/4/2025			
9.02	VNM	Đỗ Thị Sê			Mẹ đẻ/Mother								25/4/2025			
9.03	VNM	Nguyễn Ngọc Tuấn			Bố vợ/Father in law								25/4/2025			
9.04	VNM	Đỗ Thị Phương			Mẹ vợ/Mother in law								25/4/2025			
9.05	VNM	Nguyễn Thị Ngọc Hương	001C140474		Vợ/Spouse						10,000		25/4/2025			
9.06	VNM	Vũ Nguyễn Hoàng Nam			Con đẻ/Child								25/4/2025			
9.07	VNM	Vũ Nguyễn Hoàng Bách			Con đẻ/Child								25/4/2025			
9.08	VNM	Vũ Minh Thủy			Em ruột/Sister								25/4/2025			Còn nhỏ/still kid
9.09	VNM	Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước - Công ty TNHH			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	101992921	13/5/2019	Sở Kế hoạch & Đầu tư TP.Hà Nội	117 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội	752,479,602	36.00%	25/4/2025			Phó TGB/ Deputy CEO Đại diện vốn cho SCIC/Rep of SCIC
9.10	VNM	Công ty TNHH MTV Đầu tư SCIC			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0106083197	14/1/2013	Sở Kế hoạch & Đầu tư TP.Hà Nội	Tầng 16 số 117 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1,450,000	0.07%	25/4/2025			Chủ tịch HĐQT/ Chairman
10	VNM	TIỂU YẾN TRINH		Thành viên HĐQT độc lập/ Independent Director							-	0.00%	26/4/2022			
10.01	VNM	Nguyễn Hoàng Giang			Chồng/Husband								26/4/2022			
10.02	VNM	Nguyễn Tiểu Minh Khuê			Con đẻ/Child								26/4/2022			
10.03	VNM	Nguyễn Lương Nghi			Con đẻ/Child								26/4/2022			
10.04	VNM	Tiểu Tuấn Ca			Bố đẻ/Father								26/4/2022			
10.05	VNM	Tiểu Anh Tuấn			Em ruột/Brother								26/4/2022			
10.06	VNM	Tiểu Anh Toàn			Em ruột/Brother								26/4/2022			
10.07	VNM	Nguyễn Thị Huệ Anh			Em dâu/Sister in law								26/4/2022			
10.08	VNM	Nguyễn Thị Thanh Trường			Em dâu/Sister in law								26/4/2022			
10.09	VNM	Nguyễn Hoàng Hà			Em chồng/Sister in law								26/4/2022			
10.10	VNM	Công ty Cổ phần Kết Nối Nhân Tài			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0305202145	18/9/2007	Sở KH&ĐT TP.HCM/ HCMC DPI	33 Mạc Đình Chi, P.Đakao, Quận 1, TPHCM			26/4/2022			TGB/CEO
10.11	VNM	CTCP Vàng bạc đá quý Phú Nhuận			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0300521758	21/1/2004	Sở KH&ĐT TP.HCM/ HCMC DPI	170E Phan Đăng Lưu, P.3, Q.Phú Nhuận, TPHCM			26/4/2022			TV HĐQT/BOD member
10.12	VNM	Hội Nữ Doanh nhân Thành phố Hồ Chí Minh			Tổ chức có liên quan/Related party	Quyết định thành lập	990/QĐ-UBND	06/03/2015	UBND TPHCM	170E Phan Đăng Lưu, P.4, Q.Phú Nhuận, TPHCM						Phó chủ tịch thường trực
10.13	VNM	Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0301464830	14/03/20025	Sở Kế hoạch và Đầu tư TPHCM	Tầng 10, Sofic Tower, Số 10 Đường Mai Chí Thọ, Phường Thủ Thiêm, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam						TV HĐQT/BOD member
11	VNM	ĐOÀN QUỐC KHÁNH	003C310330 (SSI)	Giám đốc Điều hành/Executive Director							6	0.00%	1/9/2023			
11.01	VNM	Đoàn Văn Sư			Bố đẻ/Father								1/9/2023			
11.02	VNM	Nguyễn Thị Thái			Mẹ đẻ/Mother								1/9/2023			
11.03	VNM	Đoàn Thị Hoài Hương			Em ruột/Sister								1/9/2023			
11.04	VNM	Lương Thị Hà			Vợ/Spouse								1/9/2023			
11.05	VNM	Đoàn Hoàng Nao			Con đẻ/Child								1/9/2023			
11.06	VNM	Đoàn Lương Hoài Thương			Con đẻ/Child								1/9/2023			
11.07	VNM	Đoàn Lương Hoài An			Con đẻ/Child								1/9/2023			Còn nhỏ/Still kid
11.08	VNM	Lương Văn Kín			Bố vợ/Father in law								1/9/2023			
11.09	VNM	Lê Thị Đẹp			Mẹ vợ/Mother in law								1/9/2023			
11.10	VNM	Tổng Công ty Chăn nuôi Việt Nam - CTCP			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0100104443	30/6/2010	Sở KH&ĐT Hà Nội /Hanoi DPI	519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội			19/10/2023			TV HĐQT, TGB / Board member, CEO
11.11	VNM	Công ty cổ phần Giống Bò Sora Mộc Châu			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	5500154060	29/12/2004	DPI Mộc Châu	912 Đường Tháo Nguyễn, Phường Tháo Nguyễn, Tỉnh Sơn La			23/4/2024			TV HĐQT/BOD member
11.12	VNM	Angkor Dairy Products Co., Ltd			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	201700294	31/1/2020	Việt Nam	Phnom Penh Special Economic Zone's Building No. P2-096 P2-09, National Road 4, Kan Tuk, Quận Po Sen Chey			1/7/2025			TV HĐQT, TGB / Board member, CEO
11.13	VNM	Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0109752537	27/9/2021	Việt Nam	519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội			15/5/2025		Thay đổi nhân sự/ Change in personnel	Chủ tịch HĐQT/Chairperson
11.14	VNM	Công ty TNHH MTV Bò sữa VN			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	5000268824	11/07/2007	Việt Nam	10 Tân Trào, Phường Tân Mỹ, Tp HCM			12/2/2024			TGB / CEO
11.15	VNM	Lao - Jagro Development Xiangkhouang Co., Ltd.			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	201800555	26/9/2018	Việt Nam	Boungyene Village, Paek District, Xiangkhouang Province, Lao PDR			22/8/2024			TV HĐQT / BOD member
12	VNM	BUI THỊ HƯƠNG	002C003613	Giám đốc Điều hành/Executive Director							134,176	0.01%	1/8/2014			

Stt/No.	Mã CK/	Tên tổ chức/cá nhân Name	Số tài khoản giao dịch (nếu có)/Trading account if any	Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position at company if any	Mối quan hệ với người nội bộ/Relationship with insider	Loại hình giấy NSH/Owner's ID Type	Số giấy NSH/ Owner's ID No.	Ngày cấp/date of issue	Nơi cấp/Place of issue	Địa chỉ liên hệ/Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / No. of share owned at period-end	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/% owned at period-end	Thời gian bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ/ Starting time of related person of insider	Thời gian không còn là người có liên quan nội bộ/ Time to end of related person of insider	Lý do thay đổi của mục 14 & 15/Reason for change of 14 & 15	Ghi chú/Notes Chức vụ người nội bộ tại tổ chức có liên quan/insider's position at related parties
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
12.01	VNM	Nguyễn Văn Cảnh			Chồng/Husband								1/8/2014			
12.02	VNM	Nguyễn Hương Anh			Con đẻ/Child								1/8/2014			
12.03	VNM	Nguyễn Hương An			Con đẻ/Child								1/8/2014			
12.04	VNM	Mai Thị Huệ			Mẹ đẻ/Mother								1/8/2014			
12.05	VNM	Bùi Thị Thanh Xuân	002C136054 tại BSC		Chị ruột/Sister								1/8/2014			
12.06	VNM	Bùi Ngọc Tuấn			Em ruột/Brother								1/8/2014			
12.07	VNM	Nguyễn Ngọc Huân			Anh rể/Brother in law								1/1/2021			
13	VNM	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	011C002006	Giám đốc Điều hành/Executive Director							29,755	0.00%	9/9/2009			
13.01	VNM	Cao Kiều Linh			Vợ/Spouce								9/9/2009			
13.02	VNM	Nguyễn Trọng Phúc			Con đẻ/Child								9/9/2009			
13.03	VNM	Lê Phạm Lan Anh			Con dâu/Daughter in law								1/1/2021			
13.04	VNM	Nguyễn Đại Phúc			Con đẻ/Child								9/9/2009			
13.05	VNM	Đoàn Nguyễn Nhật Anh			Con dâu/Daughter in law								20/9/2024			
13.06	VNM	Nguyễn Quốc Anh			Em ruột/Sister								9/9/2009			
13.07	VNM	Nguyễn Quốc Anh			Em ruột/Sister								9/9/2009			
13.08	VNM	Nguyễn Quang Quý			Em ruột/Brother								9/9/2009			
13.09	VNM	Nguyễn Phạm Anh Thư			Em ruột/Sister								9/9/2009			
13.10	VNM	Nguyễn Quốc Hân			Em ruột/Brother								9/9/2009			
13.11	VNM	Vũ Thị Hạnh Đoàn			Em dâu/Sister in law								1/1/2021			
13.12	VNM	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0302181666	21/10/2000	Việt Nam	334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, TpHCM			21/4/2019			TV độc lập HĐQT/ Independent director
13.13	VNM	Driftwood Dairy Holding Corporation			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	201600140	30/8/2019	Việt Nam	10724 Lower Azusa Rd, El Monte, CA 91731, Hoa Kỳ			21/12/2013			TV HĐQT/BOD member
13.14	VNM	Công ty cổ phần Dược Tipharco			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	1200100557	28/2/2006	Việt Nam	Lô 8-09 Cụm Công nghiệp và Tiểu thủ công nghiệp Tân Mỹ Chánh, Phường 9, Thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang			17/3/2023			TV độc lập HĐQT/ Independent director
13.15	VNM	Công ty cổ phần Tapiotek			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	3901277274	30/1/2019	Việt Nam	Tổ 7, Khu phố 4, Thị trấn Châu Thành, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh			01/2019			TV HĐQT/BOD member
14	VNM	LÊ HOÀNG MINH		Giám đốc Điều hành/Executive Director							-	0.00%	1/2/2022			
14.01	VNM	NGUYỄN THỦY HƯƠNG			Vợ/Spouce								1/2/2022			
14.02	VNM	LÊ QUỲNH THƯƠNG			Con đẻ/Child								1/2/2022			
14.03	VNM	NGUYỄN THU THUY			Chị vợ/Sister in law								1/2/2022			
14.04	VNM	NGUYỄN THÀNH LONG			Anh rể vợ/Brother in law								1/2/2022			
14.05	VNM	NGUYỄN ANH TUẤN			Em vợ/Brother in law								1/2/2022			
14.06	VNM	DƯƠNG TUYẾT MUI			Em dâu vợ/Sister in law								1/2/2022			
14.07	VNM	NGUYỄN THU HIỀN			Em vợ/Sister in law								1/2/2022			
14.08	VNM	Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	5500154060	29/12/2004	DPI Mộc Châu	912 Đường Tháo Nguyễn, Phường Tháo Nguyễn, Tỉnh Sơn La			27/4/2023			TV HĐQT/BOD member
15	VNM	NGUYỄN QUANG TRI	006C059751 (ACBS)	Giám đốc Điều hành/Executive Director							-	0.00%	5/7/2021			
15.01	VNM	Cao Thị Phương Trang			Vợ/Spouce								5/7/2021			
15.02	VNM	Nguyễn Quang Thông			Con đẻ/Child								5/7/2021			
15.03	VNM	Nguyễn Quang Thái			Con đẻ/Child								5/7/2021			Còn nhỏ/Still kid
15.04	VNM	Nguyễn Đức Tiến			Chị ruột/Sister								5/7/2021			
15.05	VNM	Lê Thị Cẩm			Chị dâu/Sister in law								5/7/2021			
15.06	VNM	Lê Thị Thủy Dương			Chị dâu/Sister in law								5/7/2021			
15.07	VNM	Nguyễn Quang Tân			Anh ruột/Brother								5/7/2021			
15.08	VNM	Nguyễn Thị Hồng Vân			Chị dâu/Sister in law								5/7/2021			
15.09	VNM	Nguyễn Quang Thời			Anh ruột/Brother								5/7/2021			
15.10	VNM	Nguyễn Thị Như Mai			Chị dâu/Sister in law								5/7/2021			
15.11	VNM	Nguyễn Thị Minh Yến			Chị ruột/Sister								5/7/2021			
15.12	VNM	Nguyễn Trần Luật			Anh rể/Brother in law								5/7/2021			
15.13	VNM	Nguyễn Quang Thịnh	135328989 (ACBS)		Anh ruột/Brother								5/7/2021			
15.14	VNM	Trương Thị Kim Dung			Chị dâu/Sister in law								5/7/2021			
15.15	VNM	Nguyễn Quang Tuấn			Em ruột/Brother								5/7/2021			
15.16	VNM	Trần Tố Văn			Em dâu/Sister in law								5/7/2021			
15.17	VNM	Lê Thị Quý			Mẹ vợ/Mother in law								5/7/2021			
15.18	VNM	Công ty TNHH Chăn nuôi Việt Nhật			Tổ chức có liên quan/Related party	BKDN/Business Certificate	0109752537	27/09/2021	Việt Nam	519 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội			3/4/2023			Đại diện vốn VLC/ Rep of VLC
16	VNM	HUYỀN THỊ PHƯƠNG LAN	311177 (SSI)	Kế toán trưởng/ Chief Accountant							-	0.00%	1/7/2024			
16.01	VNM	Kiều Tấn Quốc	320968 (SSI)		Chồng/Husband								01/07/2024			
16.02	VNM	Kiều Bảo Ngọc			Con đẻ/Child								01/07/2024			
16.03	VNM	Huỳnh Kim Hữu			Bố đẻ/Father								01/07/2024			
16.04	VNM	Nguyễn Thị Hương			Mẹ đẻ/Mother								01/07/2024			
16.05	VNM	Huỳnh Thị Lan Phương			Em gái/Sister								01/07/2024			
16.06	VNM	Nguyễn Hồng Anh Khoa			Em rể/Brother in law								01/07/2024			
16.07	VNM	Kiều Tấn Kỳ			Bố chồng/Father in law								01/07/2024			
16.08	VNM	Trần Thị Vĩnh			Mẹ chồng/Mother in law								01/07/2024			
17	VNM	TRẦN CHÍ SƠN	009C001227 (VCBS) 003C038450 (SSI)	Người phụ trách QTCT, Thư ký công ty / Company secretary							-	0.00%	1/8/2022			

Stt/No.	Mã CK/	Tên tổ chức/cá nhân Name	Số tài khoản giao dịch (nếu có)/Trading account if any	Chức vụ tại công ty (nếu có)/Position at company if any	Mối quan hệ với người nội bộ/Relationship with insider	Loại hình giấu NSH/Owner's ID Type	Số giấy NSH/ Owner's ID No.	Ngày cấp/date of issue	Nơi cấp/Place of issue	Địa chỉ liên hệ/Contact address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ / No. of share owned at period-end	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/% owned at period-end	Thời gian bắt đầu là người có liên quan của người nội bộ/ Starting time of related person of insider	Thời gian không còn là là người có liên quan của người nội bộ/ Time to end of related person of insider	Lý do thay đổi của mục 14 & 15/Reason for change of 14 & 15	Ghi chú/Notes Chức vụ người nội bộ tại tổ chức có liên quan/insider's position at related parties
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
17.01	VNM	Trần Mộc Anh			Bố đẻ/Father								1/8/2022			
17.02	VNM	Huỳnh Xuân Tiếng			Mẹ vợ/Mother in law								1/8/2022			
17.03	VNM	Trương Huỳnh Như Ý	009C067847 (VCBS)		Vợ/Spouse								1/8/2022			
17.04	VNM	Trần Hoàng Gia An			Con đẻ/Child								1/8/2022			
17.05	VNM	Trần Gia Nghiêm			Con đẻ/Child								1/8/2022			
17.06	VNM	Trần Quốc Khánh			Con đẻ/Child								1/8/2022			
17.07	VNM	Trần Thị Đài Trang			Chị ruột/Sister								1/8/2022			
17.08	VNM	Trần Thị Thu Ba			Chị ruột/Sister								1/8/2022			
17.09	VNM	Trần Thị Thu Hà			Chị ruột/Sister								1/8/2022			
17.10	VNM	Trần Chí Dũng			Anh ruột/Brother								1/8/2022			
17.11	VNM	Trần Thị Thu Thủy			Chị ruột/Sister								1/8/2022			
17.12	VNM	Trần Chí Linh			Anh ruột/Brother								1/8/2022			
17.13	VNM	Trần Thị Thu Phương			Chị ruột/Sister								1/8/2022			
17.14	VNM	Trần Chí Phong			Anh ruột/Brother								1/8/2022			
17.15	VNM	Trần Chí Hải			Em ruột/Brother								1/8/2022			
17.16	VNM	Trần Thị Thu Hồng			Em gái/Sister								1/8/2022			
17.17	VNM	Nguyễn Hồng Hải			Anh rể/Brother in law								1/8/2022			
17.18	VNM	Lê Văn Ri			Anh rể/Brother in law								1/8/2022			
17.19	VNM	Nguyễn Văn Tài			Anh rể/Brother in law								1/8/2022			
17.20	VNM	Lý Thị Hoàng Oanh			Chị dâu/Sister in law								1/8/2022			
17.21	VNM	Trần Văn Trung			Anh rể/Brother in law								1/8/2022			
17.22	VNM	Trần Thị Ngọc Thủy			Chị dâu/Sister in law								1/8/2022			
17.23	VNM	Nguyễn Văn Quân			Anh rể/Brother in law								1/8/2022			
17.24	VNM	Trần Thị Hoài Hương			Chị dâu/Sister in law								1/8/2022			
17.25	VNM	Phạm Thị Phương Anh			Em dâu/Sister in law								1/8/2022			
17.26	VNM	Nguyễn Đức Thắng			Em rể/Brother in law								1/8/2022			
17.27	VNM	Lao - Jagro Development Xiangkhouang Co., Ltd			Tổ chức có liên quan/Related party	ĐKDN/Business Certificate	201800555	28/9/2018	Bộ KH&ĐT/VN/ MPI	Boungveng Village, Paek District, Xiangkhouang Province, Lao PDR	-	0.00%	1/8/2022			TV HĐQT/BOD member
18	VNM	LÊ QUANG THANH TRÚC	310335 (SSI)	Thư ký công ty / Company secretary							222,037	0.01%	1/8/2022			
18.01	VNM	Nguyễn Kim Xoa			Mẹ đẻ/Mother								1/8/2022			
18.02	VNM	Nguyễn Đăng Quý	002C050600		Chồng/Husband								1/8/2022			
18.03	VNM	Nguyễn Băng Khôi			Con đẻ/Child								1/8/2022			
18.04	VNM	Nguyễn Băng Khánh			Con đẻ/Child								1/8/2022			Còn nhớ/ Still kid
18.05	VNM	Lê Quang Anh Thư			Chị ruột/Sister								1/8/2022			Còn nhớ/ Still kid
18.06	VNM	Lê Quang Quỳnh Trâm			Chị ruột/Sister								1/8/2022			
18.07	VNM	Lê Công Danh			Anh rể/Brother in law								1/8/2022			
18.08	VNM	Driftwood Dairy Holding Corporation			Tổ chức có liên quan/Related party	Giấy phép đầu tư/investment license	201600140	30/8/2019	Việt Nam	10724 Lower Azusa Rd, El Monte, CA 91731, Hoa Kỳ			1/8/2022			TV HĐQT/BOD member
18.09	VNM	Del Monte - Vinamilk Dairy Philippines, Inc.			Tổ chức có liên quan/Related party	ĐKDN/Business Certificate	2021070019309-07	12/7/2021	Philippines	JY Campos Centre, 9th Avenue corner 30th Street, Bonifacio Global City, Taguig City			1/8/2022	15/4/2025	VNM đã chuyển nhượng vốn/ VNM has transferred shares	TV HĐQT/BOD member
18.10	VNM	Angkor Dairy Products Co., Ltd			Tổ chức có liên quan/Related party	ĐKDN/Business Certificate	201700294	31/1/2020	Việt Nam	Phnom Penh Special Economic Zone's Building No. P2-096 P2-09, National Road 4, Kam Tuk, Quận Po Sen Chey			1/8/2022			Chủ tịch HĐQT/Chairperson
18.11	VNM	Công ty Cổ phần APIS			Tổ chức có liên quan/Related party	ĐKDN/Business Certificate	0312705358	25/3/2014	Việt Nam	Số 18A-188 VSIP II-A, đường số 27, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam			1/8/2022	3/6/2025	Thay đổi nhân sự/ Change in personnel	TV HĐQT/BOD member
18.12	VNM	Miraka Holdings Limited			Tổ chức có liên quan/Related party	ĐKDN/Business Certificate	389/BKH-DTRNN	11/9/2010	Việt Nam	Tòa nhà Beker Findlay Allen, 108 Tuwharetoa St, Po Box 1091, Taupo, New Zealand			25/1/2024			TV HĐQT/BOD member
18.13	VNM	Công ty TNHH Chân nuôi Việt Nhật			Tổ chức có liên quan/Related party	ĐKDN/Business Certificate	0109752537	27/09/2021	Việt Nam	519 Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội			23/1/2024	5/5/2025	Thay đổi nhân sự/ Change in personnel	Chủ tịch HĐQT/Chairperson
19	VNM	ĐÔNG QUANG TRUNG	105C791222 (TCBS) 005C251460 (MBS)	Thư ký công ty / Company secretary							-	0.00%	1/8/2022	31/12/2025	Từ nhiệm Thư ký Công ty/ Resigned from Secretary	
19.01	VNM	Ngô Quỳnh Trang			Vợ/Spouse								25/2/2025	31/12/2025		
19.02	VNM	Đông Xuân Trọng			Bố đẻ/Father								1/8/2022	31/12/2025		
19.03	VNM	Nguyễn Thị Hằng			Mẹ đẻ/Mother								1/8/2022	31/12/2025		
19.04	VNM	Ngô Sĩ Bằng			Bố vợ/Father in law								25/2/2025	31/12/2025		
19.05	VNM	Vân Thị Vân			Mẹ vợ/Mother in law								25/2/2025	31/12/2025		
19.06	VNM	Đặng Minh Trí			Em ruột/Brother								1/8/2022	31/12/2025		
19.07	VNM	Nguyễn Thị Thúy Nga			Em dâu/Sister in law								1/8/2022	31/12/2025		
19.08	VNM	Tổng Công ty Chân Nuôi Việt Nam - CTCF	003C391500 (SSI)		Tổ chức có liên quan/Related party	ĐKDN/Business Certificate	010010443	30/6/2010	Sở KH&ĐT Hà Nội /Hanoi DPI	519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội			1/8/2022	31/12/2025		Thư ký công ty/Company secretary
19.09	VNM	Công ty Cổ phần Giống Bò sữa Mộc Châu			Tổ chức có liên quan/Related party	ĐKDN/Business Certificate	5500154060	29/12/2004	DPI Mộc Châu	912 Đường Thào Nguyễn, Phường Thào Nguyễn, Tỉnh Sơn La			1/8/2022	31/12/2025		Thư ký công ty/Company secretary
20	VNM	Lê Đức Anh	311328 (SSI) 105C520254 (TCBS)	Thư ký công ty / Company secretary							-	0.00%	1/5/2024			
20.01	VNM	Lê Thị Tuyền Vy			Vợ/Spouse								1/5/2024			
20.02	VNM	Lê Uyên Như			Con đẻ/Child								1/5/2024			
20.03	VNM	Lê Hồng Long			Bố đẻ/Father								1/5/2024			
20.04	VNM	Trịnh Thị Kim Loan			Mẹ đẻ/Mother								1/5/2024			
20.05	VNM	Lê Quốc Anh			Em ruột/Brother								1/5/2024			
20.06	VNM	Nguyễn Thị Quỳnh Trang			Em dâu/Sister in law								1/5/2024			
20.07	VNM	Lê Văn Viên			Bố vợ/Father in law								1/5/2024			
20.08	VNM	Tổng Công ty Chân Nuôi Việt Nam - CTCF	003C391500 (SSI)		Tổ chức có liên quan/Related party	ĐKDN/Business Certificate	010010443	30/6/2010	Sở KH&ĐT Hà Nội /Hanoi DPI	519 Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Hà Nội			1/5/2024			Thư ký công ty/Company secretary

Phụ lục 4: Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/ Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company

Ký báo cáo/Reporting period: 30/06/2026

STT/ No	Người thực hiện giao dịch/ Transaction executors	Quan hệ với người nội bộ/ Relationship with internal persons	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ/ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ/ Number of shares owned at the end of the		Lý do tăng/ (giảm) Reasons for increasing/(decreasing)
			Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ/%	Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ/%	
Hội đồng Quản trị/ Board Directors							
1	Mai Kiều Liên	Thành viên HĐQT, TGD/ Director & CEO	6,400,444	0.31%	6,400,444	0.31%	
2	Lê Thành Liêm	Thành viên HĐQT, GĐĐH/ Director & CFO	493,381	0.02%	493,381	0.02%	
3	Vũ Trí Thức	Thành viên HĐQT/ Director	-	0.00%	-	0.00%	
Ban điều hành/ Executive Directors							
1	Bùi Thị Hương	Giám đốc điều hành/ Executive Director	134,174	0.01%	134,174	0.01%	
2	Nguyễn Quốc Khánh	Giám đốc điều hành/ Executive Director	-	0.00%	-	0.00%	
3	Nguyễn Quang Trí	Giám đốc điều hành/ Executive Director	7,651	0.00%	7,651	0.00%	
4	Lê Hoàng Minh	Giám đốc điều hành/ Executive Director	8	0.00%	8	0.00%	
5	Đoàn Quốc Khánh	Giám đốc điều hành/ Executive Director	6	0.00%	6	0.00%	
Người nội bộ khác/ Other Insiders							
1	Lê Quang Thanh Trúc	Thư ký Công ty/Company Secretary	222,037	0.01%	222,037	0.01%	
2	Trần Chí Sơn	Thư ký Công ty, Người Quản trị Công ty/Company Secretary, Corporate Governance Officer	-	0.00%	3,100	0.00%	
Các bên có liên quan/ Affiliated persons							
1	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước ("SCIC")	TV HĐQT là đại diện vốn gồm/ Directors as capital representative including: Lê Thành Liêm, Đặng Thị Thu Hà, Hoàng Ngọc Thạch	752,476,602	36.00%	752,476,602	36.00%	
2	Công Ty TNHH MTV Đầu Tư SCIC ("SIC")	Ông Vũ Trí Thức là Chủ tịch HĐQT của SIC. Mr. Vu Tri Thuc is the Chairman of SIC.	1,450,000	0.07%	1,450,000	0.07%	
3	F&N Dairy Investments Pte Ltd	TV HĐQT là đại diện vốn/ Directors as capital representative including: Michael Chye và/and Tongjai Thanachanan	465,847,490	22.29%	465,847,490	22.29%	
4	F&Nbev Manufacturing Pte. Ltd.	TV HĐQT là đại diện vốn/ Directors as capital representative including: Michael Chye và/and Tongjai Thanachanan	56,432,376	2.70%	56,432,376	2.70%	
5	PLATINUM VICTORY PTE.LTD. (*)	TV HĐQT là đại diện vốn/ Directors as capital representative including: Alain Cany	125,761,922	6.02%	52,551,922	2.51%	Bán/Sold
5	Mai Quang Liêm	Em trai TV HĐQT Mai Kiều Liên/ Brother of Board member Mai Kieu Lien	5,786	0.00%	5,786	0.00%	
6	Lê Thị Ngọc Thúy	Em dâu TV HĐQT Mai Kiều Liên/ Sister-in-law of Board member Mai Kieu Lien	619,303	0.03%	619,303	0.03%	
7	Nguyễn Thị Ngọc Hương	Vợ TV HĐQT Vũ Trí Thức/ Spouse of Board member Vu Tri Thuc	10,000	0.00%	-	0.00%	

(*) Không còn là người nội bộ từ ngày 22/04/2026/ No longer be the internal person from April 22, 2026